

BỘ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ



GIÁO TRÌNH

TỔNG QUAN DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN

NGHỀ : NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-CDNKTCN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ Thuật Công nghệ)*

Hà Nội - Năm 2020

BỘ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ



GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC : TỔNG QUAN DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN

NGHỀ : NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN

TRÌNH ĐỘ : TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ - CDNKTCN ngày 7 tháng 10 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ Thuật Công nghệ)*

Hà Nội - Năm 2020



TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm

Tailieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế dịch vụ quan trọng của đất nước do những đóng góp to lớn của nó. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đang tập trung đầu tư thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển nhằm đem lại lợi nhuận cho quốc gia. Đáp lại sự quan tâm đó, ngành du lịch Việt Nam đã không ngừng mở rộng thị trường, tăng cường quảng bá, xúc tiến du lịch; tạo ra các sản phẩm, dịch vụ du lịch hấp dẫn đối với du khách. Đặc biệt, ngành còn đẩy mạnh hoạt động đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới. Trong sự nghiệp đào tạo nhân lực du lịch, các trường đã đưa ra chương trình đào tạo nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành cũng như kỹ năng nghề phù hợp với yêu cầu của ngành. Trong hệ thống kiến thức về du lịch, môn *Tổng quan du lịch và khách sạn* được coi là môn học cung cấp kiến thức cơ sở về du lịch và khách sạn làm tiền đề để nghiên cứu các môn chuyên ngành. Vì vậy, trong chương trình khung nghề Nghiệp vụ Nhà hàng Khách sạn, môn Tổng quan du lịch và khách sạn đã được đưa vào giảng dạy cho học sinh. Để nâng cao hiệu quả dạy và học, Nhà trường đồng thời cho biên soạn giáo trình môn học này. Giáo trình Tổng quan du lịch và khách sạn được biên soạn nhằm trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về du lịch, khách sạn và những kỹ năng cần thiết để ứng dụng và phát triển các kiến thức của môn học vào trong kinh doanh du lịch. Với mục tiêu trên, giáo trình Tổng quan du lịch và khách sạn được biên soạn làm 3 chương với các nội dung chính sau:

Chương 1. Khái quát chung về du lịch và khách sạn

Chương 2. Mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực khác, các điều kiện phát triển du lịch

Chương 3. Khách sạn

Biên soạn giáo trình *Tổng quan du lịch và khách sạn* là một công việc nghiên cứu đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn. Tuy nhiên, do giáo trình được nghiên cứu và biên soạn lần đầu, do sự hạn chế về thời gian và trình độ của tác giả, nên không thể tránh khỏi những thiếu

sót. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện giáo trình.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2020

BAN CHỦ NHIỆM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

NGHỀ: NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Tailieu.vn

MỤC LỤC

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN	10
1. Một số khái niệm cơ bản	10
1.1 Khái niệm du lịch	10
1.2 Khái niệm khách du lịch	13
1.3 Khái niệm điểm đến du lịch	15
1.4. Khái niệm Khách sạn	16
2. Các loại hình du lịch	16
2.1. Căn cứ vào môi trường tài nguyên	16
2.2 Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ	20
2.3. Căn cứ vào mục đích chuyến đi	21
2.4 Căn cứ vào sự tương tác của du khách đối với nơi đến du lịch	25
2.5. Căn cứ việc sử dụng phương tiện vận chuyển khách du lịch tới điểm đến du lịch	26
2.6 Các cách phân loại khác	28
3.Nhu cầu du lịch và sản phẩm du lịch	30
3.1. Nhu cầu du lịch	30
3.2. Sản phẩm du lịch	36
Phân loại	36
Đặc điểm	36
4. Thời vụ du lịch	37
4.1. Khái niệm và đặc điểm của thời vụ du lịch	37
4.2. Các nhân tố tác động đến thời vụ du lịch	39
4.3. Một số giải pháp khắc phục sự bất lợi của thời vụ du lịch	43
5. Một số loại hình cơ sở lưu trú tiêu biểu	45
5.1 Khách sạn	45
5.2 Nhà nghỉ du lịch	45
5.3 Motel	49
5.4 Bungalow	55
5.5 Làng du lịch	59
CHƯƠNG 2. MỐI QUAN HỆ GIỮA DU LỊCH VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC KHÁC, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH	78
1.1. Mối quan hệ giữa du lịch và kinh tế	78
1.2 Mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa – xã hội	79
1.3 Tác động môi trường của du lịch	88

2.1 Điều kiện chung	93
2.2. Điều kiện về khả năng cung ứng du lịch.....	101
CHƯƠNG 3. KHÁCH SẠN	
1 Giới thiệu chung.....	134
2.Phân loại khách sạn	139
2.1 Phân loại.....	139
2.2. Xếp hạng khách sạn	145

Tailieu.vn

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **Tổng quan du lịch và khách sạn**

Mã môn học: MH 07

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ. (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành; Kiểm tra 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC:

- Tổng quan du lịch và khách sạn là môn học nhằm kiến tạo cơ sở nền tảng trong chương trình khung đào tạo trình độ trung cấp “Kỹ thuật chế biến món ăn”.

- Môn học lý thuyết cơ bản trong nghề phục vụ du lịch nói chung và nghề kỹ thuật chế biến món ăn nói riêng. Là môn học lý thuyết, thực hành, kết thúc môn học bằng hình thức kiểm tra hết môn.

II. Mục tiêu môn học:

Môn học nhằm cung cấp cho người học kiến thức khái quát về tổng quan du lịch và khách sạn. Trang bị cho người học kiến thức cần liên quan đến phục vụ du lịch và khách sạn nói chung và liên hệ với nghề nghiệp kỹ thuật chế biến món ăn nói riêng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Sè TT	T ^a n ch- [~] ng môc	Thêi gian			
		Tæng sè	Lý thuyỐt	Thùc hụnh Bụi tỄp	KiỐm tra * (LT hoÆc TH)
I.	Kh,i qu,t vỒ ho't @éng du lỖch vµ kh,ch s'ñ Mét sè kh,i niỒm c [~] b¶ñ C,c lo'i h×nh du lỖch Nhu cÇu du lỖch vµ s¶ñ phỀm du lỖch Thêi vô du lỖch Mét sè lo'i h×nh c [~] sỄ l-u tró du lỖch tỉ <u>au</u> biỚu	14	13 1 5 4 3		1
II.	Mèi quan hỒ gi÷a du lỖch vµ mét sè lỮnh vùc kh,c - C,c @iỒu kiỒn @Ó ph,t triỚn du lỖch Mèi quan hỒ gi÷a du lỖch vµ mét sè lỮnh vùc kh,c C,c @iỒu kiỒn @Ó ph,t triỚn du lỖch	7	7 2 5		0
III.	Kh,ch s'ñ Giúi thiỒu chung Ph©n lo'i vµ xỐp h'ng kh,ch s'ñ C [~] cỄu tæ chøc trong mét kh,ch s'ñ	9	8 2 2 4		1

	Céng	30	28	0	2
--	-------------	-----------	-----------	----------	----------

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN

Mã chương: NHKS 07.01

Giới thiệu:

Trong chương 1, sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản như: Hiểu được về khái niệm về du lịch, du khách và các khái niệm liên quan, Phân tích được các điều kiện phát triển du lịch và liên hệ thực tế tại Việt Nam

Mục tiêu của chương:

Sau khi học xong chương này người học cần:

- Trình bày được khái niệm về du lịch, du khách và các khái niệm liên quan
- Hệ thống được các thời kỳ hình thành và phát triển của du lịch thế giới và Việt Nam
- Nắm được nguyên tắc hoạt động của một số tổ chức du lịch trên thế giới và Việt Nam
- Đưa ra được các lý do con người đi du lịch và cơ sở hình thành các loại hình du lịch
- Phân tích được các điều kiện phát triển du lịch và liên hệ thực tế tại Việt Nam
- Có thái độ hứng thú nghiên cứu về du lịch thế giới và Việt Nam

Nội dung chính:

1. Một số khái niệm cơ bản

1.1 Khái niệm du lịch

Con người vốn tò mò về thế giới xung quanh, muốn có thêm hiểu biết về cảnh quan, địa hình, hệ động thực vật và nền văn hóa của những nơi khác. Vì vậy, du lịch đã xuất hiện và trở thành một hiện tượng khá quan trọng trong đời sống của con người. Đến nay du lịch không còn là hiện tượng riêng lẻ, đặc quyền của cá nhân hay của nhóm người nào đó, mà du lịch đã trở thành một nhu cầu xã hội phổ biến đáp ứng mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của con người. Tuy nhiên, khái niệm du lịch có nhiều cách hiểu do được tiếp cận bằng nhiều cách khác nhau. Sau đây là một số quan niệm du lịch theo các cách phổ biến:

- *Tiếp cận du lịch dưới góc độ nhu cầu của con người*

- *Du lịch là một hiện tượng*: Trước thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX du lịch hầu như vẫn được coi là đặc quyền của tầng lớp giàu có, quý tộc và người ta chỉ coi đây là một hiện tượng cá biệt trong đời sống kinh tế - xã hội. Trong thời kỳ này, người ta coi du lịch như một hiện tượng xã hội góp phần làm phong phú thêm cuộc sống và nhận thức của con người. Đó là hiện tượng con người rời khỏi nơi cư trú thường xuyên đến một nơi xa lạ vì nhiều mục đích khác nhau ngoại trừ mục đích tìm kiếm việc làm (kiếm tiền) và trong thời gian đó họ phải tiêu tiền mà họ đã kiếm được. Các giáo sư Thụy Sĩ là Hunziker và Krapf đã khái quát: *Du lịch là tổng hợp các hiện tượng và các mối quan hệ nảy sinh từ việc đi lại và lưu trú của những người ngoài địa phương – những người không có mục đích định cư và không liên quan tới bất cứ hoạt động kiếm tiền nào*. Quan niệm này được hiệp hội quốc tế các chuyên gia khoa học về du lịch (AIEST) thừa nhận.

Với quan niệm này, du lịch mới chỉ được giải thích ở hiện tượng đi du lịch, tuy nhiên đây cũng là một khái niệm làm cơ sở để xác định người đi du lịch và là cơ sở hình thành câu về du lịch sau này.

- *Du lịch là một hoạt động*: Theo Mill và Morrison, du lịch là một hoạt động xảy ra khi con người vượt qua biên giới (một nước, hai ranh giới một vùng, một khu vực) để nhằm mục đích giải trí hoặc đi công việc và lưu trú tại đó ít nhất 24h nhưng không quá 1 năm. Như vậy, có thể xem xét du lịch thông qua những hoạt động đặc trưng mà con người mong muốn trong các chuyến đi. Du lịch có thể được hiểu “là các hoạt động liên quan

đến chuyển đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu thăm quan tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”.

Từ các góc độ nói trên, bản chất của du lịch được chỉ rõ thông qua 5 đặc điểm chính như sau:

1. Du lịch nảy sinh từ sự di chuyển và lưu trú của con người từ các nơi đến khác nhau.
2. Có hai yếu tố chính trong hoạt động du lịch: Hành trình tới nơi đến và lưu lại, trong đó bao gồm cả hoạt động ở nơi đến.
3. Chuyển đi và lưu trú xảy ra bên ngoài nơi cư trú và làm việc thường xuyên, do đó du lịch làm nảy sinh những hoạt động của người đi du lịch ở nơi đến khác biệt với những hoạt động của cư dân sinh sống và làm việc ở đây.
4. Sự di chuyển tới nơi đến mang tính tạm thời, thời gian ngắn và sau đó quay trở về trong khoảng vài ngày, vài tuần hoặc vài tháng.
5. Chuyển đi với nhiều mục đích song không vì mục đích định cư hoặc tìm kiếm việc làm tại nơi viếng thăm.

Với các cách tiếp cận nói trên, bản chất của du lịch chủ yếu mới chỉ được giải thích dưới góc độ là một hiện tượng, một hoạt động thuộc nhu cầu của khách du lịch.

• *Tiếp cận du lịch dưới góc độ là một ngành kinh tế*

Khi đi du lịch, con người thường nảy sinh nhiều nhu cầu trong chuyến đi của mình như nhu cầu đi lại, ăn ở, giải trí. Lúc đầu, họ tự thỏa mãn các nhu cầu đó. Về sau, nó trở thành cơ hội kinh doanh. Du lịch bắt đầu được quan niệm là một hoạt động kinh tế nhằm thỏa mãn các nhu cầu của du khách. Một ngành kinh tế được hình thành nhằm đáp ứng các nhu cầu của con người trong chuyến đi rời khỏi nơi cư trú thường xuyên được gọi là ngành du lịch. Theo các học giả Mỹ McIntosh, Goeldner và Ritchie, du lịch là một ngành tổng hợp của các lĩnh vực lữ hành, khách sạn, vận chuyển và tất cả các yếu tố cấu thành khác kể cả xúc tiến quảng bá nhằm phục vụ các nhu cầu và mong muốn đặc biệt của khách du lịch. Hội nghị Liên hợp quốc về du lịch năm 1971 cũng đi đến thống nhất cần phải quan niệm rộng rãi ngành du lịch như là người đại diện cho tập hợp các hoạt động công nghiệp và thương mại cung ứng toàn bộ hoặc chủ yếu các hàng hóa và dịch vụ cho tiêu dùng của khách du lịch quốc tế và nội địa.

Như vậy, khi tiếp cận du lịch với tư cách là một hệ thống cung ứng các yếu tố cần thiết trong các hành trình du lịch thì du lịch được hiểu là một ngành kinh tế cung ứng các hàng hóa và dịch vụ trên cơ sở kết hợp giá trị các tài nguyên du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu và mong muốn đặc biệt của du khách.

- *Tiếp cận du lịch một cách tổng hợp*

Để xem xét du lịch một cách toàn diện hơn, các tác giả McIntosh, Goelder và Ritchie cho rằng cần phải cân nhắc tất cả các chủ thể (thành phần) tham gia vào hoạt động du lịch mới có thể khái quát và hiểu được bản chất của du lịch một cách đầy đủ. Các chủ thể (thành phần) đó bao gồm:

- Khách du lịch: Đây là những người tìm kiếm các kinh nghiệm và sự thỏa mãn về vật chất hay tinh thần khác nhau. Bản chất của du khách sẽ xác định các nơi đến du lịch lựa chọn và các hoạt động tham gia, thưởng thức.

- Các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa và dịch vụ du lịch: Các nhà kinh doanh coi du lịch là một cơ hội để kiếm lợi nhuận thông qua việc cung cấp các hàng hóa và dịch vụ nhằm đáp ứng cho nhu cầu của thị trường khách du lịch.

- Chính quyền sở tại: Những người lãnh đạo chính quyền địa phương nhìn nhận du lịch như là một nhân tố có tác dụng tốt cho nền kinh tế thông qua triển vọng về thu nhập từ các hoạt động kinh doanh cho dân địa phương, ngoại tệ thu được từ khách quốc tế và tiền thuế thu được cho ngân quỹ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Dân cư địa phương: Dân cư địa phương thường coi du lịch là một nhân tố tạo ra việc làm và giao lưu văn hóa. Một điều quan trọng cần nhấn mạnh ở đây là hiệu quả của sự giao lưu giữa số lượng lớn du khách quốc tế và dân cư địa phương. Hiệu quả này có thể vừa có lợi và vừa có hại.

Như vậy, để phản ánh một cách đầy đủ và toàn diện các hoạt động các mối quan hệ của du lịch, theo cách tiếp cận này, du lịch được hiểu là tổng hợp các hiện tượng và mối quan hệ nảy sinh từ sự tác động qua lại giữa khách du lịch, các nhà kinh doanh, chính quyền và cộng đồng dân cư địa phương trong quá trình thu hút và tiếp đón khách du lịch.

Với cách tiếp cận này, khách du lịch là nhân vật trung tâm làm nảy sinh các hoạt động và các mối quan hệ dựa trên cơ sở đó thỏa mãn mục đích của các chủ thể tham gia vào các hoạt động và các mối quan hệ đó.

Tóm lại, du lịch là một khái niệm có nhiều cách tiếp cận xuất phát từ tính chất phong phú và sự phát triển của hoạt động du lịch. Chính vì vậy, tùy thuộc vào từng mục đích nghiên cứu mà có thể sử dụng các quan niệm đó một cách phù hợp.

1.2 Khái niệm khách du lịch

Du khách (khách du lịch) là chủ thể thực hiện hoạt động du lịch và được coi là yếu tố trung tâm trong hệ thống các hoạt động du lịch. Du khách có thể hiểu một cách đơn giản là người đi du lịch. Tuy nhiên, định nghĩa về du khách được đưa ra lại rất khác nhau giữa các thời kỳ và các quốc gia.

Theo các tác giả Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hoà (2004), định nghĩa về du khách lần đầu tiên xuất hiện vào cuối thế kỷ XVIII tại Pháp. Thời bấy giờ các hành trình của người Đức, người Đan Mạch, người Bồ Đào Nha, người Hà Lan và người Anh trên đất Pháp được chia thành hai loại. Cuộc hành trình nhỏ (vòng đi nhỏ "Le peptit tour") là cuộc hành trình từ Paris đến miền Đông Nam nước Pháp. Cuộc hành trình lớn (vòng đi lớn "Le grand tour") là cuộc hành trình theo bờ Địa Trung Hải, xuống phía Tây Nam nước Pháp và vùng Bourgone. Khách du lịch được định nghĩa là người thực hiện một cuộc hành trình lớn "Fair le grand tour,,.

Theo hai tác giả Trung Quốc là Đồng Ngọc Minh và Vương Lôi Đình (2000), thuật ngữ "tourist" (khách du lịch) trong tiếng Anh xuất hiện lần đầu tiên trong cuốn Từ điển Oxford vào năm 1811. Thuật ngữ này có nghĩa là người từ nơi khác đến với mục đích tham quan, du ngoạn.

Vào đầu thế kỷ XX, Lozep Stander (Nhà kinh tế học người Áo) định nghĩa: *"Khách du lịch là hành khách xa hoa, ở lại theo ý thích ngoài nơi cư trú thường xuyên để thỏa mãn nhu cầu cao cấp mà không theo đuổi mục đích kinh tế"* (Dẫn theo Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hoà, 2004).

Theo Odgilvi (Nhà kinh tế học người Anh): *"Để trở thành khách du lịch phải có 2 điều kiện: (1) Đi xa nhà trong thời gian dưới 1 năm; (2) Phải chi tiêu tại nơi nghỉ lại bằng tiền kiếm được ở nơi khác"* (Dẫn theo Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hoà, 2004).

Hội nghị của Tổ chức du lịch quốc tế họp tại Roma (1968) đã xác định: “Bất cứ ai ngủ một đêm tại nơi không phải nhà của mình và mục đích chính của cuộc hành trình không nhằm kiếm tiền đều được coi là khách du lịch” (Dẫn theo Nguyễn Văn Lưu, 2005).

Theo Luật du lịch Việt Nam (2005): “*Khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập ở nơi đến*”.

Ngày 4/3/1993, theo đề nghị của Tổ chức du lịch thế giới (UNWTO), Ủy ban thống kê LHQ đã công nhận các thuật ngữ sau để thống nhất việc thống kê du lịch:

Khách du lịch quốc tế (International Tourist) bao gồm khách quốc tế đến du lịch (Inbound Tourist) và khách quốc tế đi du lịch ra nước ngoài (Outbound Tourist).

Khách du lịch trong nước (Internal Tourist) gồm những người là công dân của một quốc gia và người nước ngoài đang sống trên lãnh thổ quốc gia đó đi du lịch trong nước.

Khách du lịch nội địa (Domestic Tourist) bao gồm khách du lịch trong nước (Internal Tourist) và khách quốc tế đến du lịch (Inbound Tourist).

Khách du lịch quốc gia (National Tourist) bao gồm khách du lịch trong nước (Internal Tourist) và khách quốc tế đi du lịch ra nước ngoài (Outbound Tourist).

Tuy nhiên, ở Việt Nam quan niệm về các loại khách du lịch lại đơn giản hơn. Theo điều 34, chương V của Luật du lịch Việt Nam (2005): “*Khách du lịch gồm khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế*”. Theo quan niệm như vậy, khách du lịch nội địa cũng được gọi là khách du lịch trong nước.

Theo Luật Du lịch Việt Nam (2005): “*Khách du lịch quốc tế là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch; công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam ra nước ngoài du lịch.*”

Theo Luật du lịch Việt Nam (2005): “*Khách du lịch nội địa là công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam đi du lịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam*”.

1.3 Khái niệm điểm đến du lịch

Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người, các giá trị nhân văn khác và các sự kiện đặc biệt có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch.

Điểm du lịch là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn, phục vụ nhu cầu tham quan của khách du lịch.

Khu du lịch là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn với ưu thế về tài nguyên du lịch tự nhiên, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch, đem lại hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường.

Tuyến du lịch là lộ trình liên kết các khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch, gắn với các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không.

Kinh doanh du lịch là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình hoạt động du lịch hoặc thực hiện dịch vụ du lịch trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

Lữ hành là việc xây dựng, bán và tổ chức thực hiện một phần hoặc toàn bộ chương trình du lịch cho khách du lịch.

Hoạt động du lịch là hoạt động của khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch, cộng đồng dân cư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến du lịch.

Xúc tiến du lịch là hoạt động tuyên truyền, quảng bá, vận động nhằm tìm kiếm, thúc đẩy cơ hội phát triển du lịch.

Sản phẩm du lịch bao gồm các dịch vụ du lịch, các hàng hoá và tiện nghi cung ứng cho khách du lịch, nó được tạo nên bởi sự kết hợp các yếu tố tự nhiên, cơ sở chất kỹ thuật và lao động du lịch tại một vùng, một địa phương nào đó.

1.4. Khái niệm Khách sạn

Khách sạn là cơ sở kinh doanh lưu trú phổ biến trên Thế giới, đảm bảo chất lượng và tiện nghi cần thiết phục vụ kinh doanh lưu trú, đáp ứng một số yêu cầu về nghỉ ngơi, ăn uống, vui chơi giải trí và các dịch vụ khác trong suốt thời gian khách lưu trú tại khách sạn, phù hợp với động cơ, mục đích chuyến đi.

2. Các loại hình du lịch

2.1. Căn cứ vào môi trường tài nguyên

- *Du lịch thiên nhiên (Du lịch sinh thái)* hấp dẫn người thích tận hưởng bầu không khí ngoài trời, thích thưởng thức phong cảnh đẹp và đời sống động thực vật hoang dã.

Những người đi du lịch trong nhóm này muốn tìm đến vẻ đẹp và đời sống hoang sơ của Vườn Quốc gia Xuân Thủy, phong cảnh hùng vĩ của Bà Nà...

- *Du lịch sinh thái là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững.* Du lịch sinh thái (EcoTourism) là loại hình du lịch có trách nhiệm tại các điểm đi lại của các khu vực thiên nhiên, bảo tồn được môi trường và cải thiện phúc lợi cho người dân địa phương. Loại hình du lịch này tuy ra đời khá muộn nhưng nó đã nhanh chóng trở thành một loại hình du lịch có triển vọng và đang phát triển với tốc độ khá nhanh, đặc biệt là trong các khu bảo tồn và vườn quốc gia. Với ý nghĩa đó, đề tài đã nghiên cứu tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch sinh thái trong khu bảo tồn thiên nhiên nhằm gắn kết du lịch với bảo tồn và phát triển kinh tế cộng đồng địa phương.

Minh họa 1: Du lịch sinh thái

Du lịch sinh thái có nguồn gốc từ du lịch thiên nhiên và du lịch ngoài trời. Thực ra loại hình du lịch này đã có từ rất lâu nhưng ít được con người chú ý. Kể từ khi loại hình du lịch máy bay ra đời, cùng với sự phát triển khá nhanh của ngành du lịch với mối quan tâm về vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, nhất là sau hội nghị thượng đỉnh về môi trường tổ chức tại Stockholm (Thụy Điển) năm 1972 và tại Rio Dejanero (Brazil) năm 1992 thì du lịch sinh thái mới thực sự phát triển và được xem như là một công cụ hữu hiệu để thoả mãn sự khát khao của con người về với thiên nhiên, gắn kết bảo vệ tài nguyên môi trường với phát triển du lịch bền vững.

Du lịch sinh thái có những đóng góp rất lớn về mặt kinh tế – xã hội ở nhiều quốc gia. Chỉ tính riêng Kenya, năm 1994 du lịch sinh thái trở thành một ngành xuất khẩu lớn nhất nước đóng góp 35% thu nhập ngoại tệ và 11% tổng sản phẩm quốc gia. Ở Mỹ, các hệ thống vườn quốc gia, khu bảo tồn mỗi năm đón khoảng 270 triệu lượt khách đem về hàng chục tỷ đô la. Một số nước như Mêxicô, Úc, Malaixia, Eucoado, Kenya, Brazil, Ethiophia... du lịch sinh thái cũng đã đóng vai trò quan trọng trong việc thu đổi ngoại tệ.

Mặc dù chưa có con số thống kê cụ thể nhưng theo nghiên cứu sơ bộ của

Fillion (1992), du lịch sinh thái đã đóng góp 223 tỷ đô la trong thu nhập của nhiều quốc gia.

Ngoài những lợi ích về mặt kinh tế, du lịch sinh thái đã mang lại nhiều lợi ích trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển kinh tế cộng đồng. Ở Coostarica, Vê-nê-xuê-la... một số chủ trang trại chăn nuôi đã bảo vệ nhiều diện tích rừng nhiệt đới quan trọng và biến những nơi này thành điểm du lịch sinh thái tự nhiên, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Ecuador sử dụng khoản thu nhập từ du lịch sinh thái tại đảo Galapago để duy trì mạng lưới vườn quốc gia... nhờ du lịch sinh thái mà người dân trong vùng đệm ở các khu bảo tồn, vườn quốc gia phát triển các ngành nghề thủ công, tham gia hoạt động du lịch để đảm bảo thu nhập, hạn chế sự tác động vào rừng.

Ở Việt Nam, ngành du lịch phát triển tương đối muộn. Hoạt động du lịch chỉ thực sự diễn ra sôi nổi từ sau năm 1990 gắn liền với chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước. Theo số liệu thống kê từ năm 1990 đến 2002 lượng khách quốc tế tăng 10,5 lần (từ 250.000 đến 2.620.000) khách nội địa tăng 13 lần (từ 1000.000 tăng lên 13.000.000). Thu nhập xã hội cũng tăng đáng kể, năm 1991 là 2.240 tỷ đồng đến năm 2002 là 23.000 tỷ đồng, trong đó hoạt động du lịch sinh thái trong các khu bảo tồn và vườn quốc gia và du lịch biển đóng góp một tỷ trọng lớn. Các số liệu thống kê ở một số vườn quốc gia như Cúc Phương, Cát Bà, Côn Đảo, Bạch Mã ... các khu bảo tồn thiên nhiên như Phong Nha - Kẻ Bàng, Hồ Kẻ Gỗ... bình quân mỗi năm tăng 50% khách nội địa và 30 % khách quốc tế. Trong giai đoạn từ 1995 – 1998 du lịch sinh thái đạt tăng trưởng 16,5%.

Du lịch sinh thái ở Việt Nam cũng đã có những đóng góp lớn cho sự phát triển cộng đồng, bảo vệ tài nguyên môi trường. Nhờ phát triển du lịch sinh thái mà đồng bào một số dân tộc, cư dân sinh sống trong vùng đệm các vườn quốc gia, khu bảo tồn có được việc làm, nâng cao mức sống, các lễ hội, tập tục, ngành nghề thủ công được bảo tồn và phát triển.

(Nguồn: www.vietnamtourism.gov.vn)

- *Du lịch văn hóa* thu hút những người mà mối quan tâm chủ yếu của họ là truyền thống lịch sử, phong tục tập quán, nền văn hóa nghệ thuật... của điểm đến. Các du khách này sẽ đến thăm bảo tàng, tham dự các lễ hội truyền thống...

Du lịch văn hoá là hình thức du lịch dựa vào bản sắc văn hoá dân tộc với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống. Bên cạnh những loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch khám chữa bệnh, du lịch mạo hiểm, du lịch giáo dục... gần đây du lịch văn hóa được xem là loại sản phẩm đặc thù của các nước đang phát triển, thu hút nhiều khách du lịch quốc tế. Du lịch văn hóa chủ yếu dựa vào những sản phẩm văn hóa, những lễ hội truyền thống dân tộc, kể cả những phong tục tín ngưỡng... để tạo sức hút đối với khách du lịch bản địa và từ khắp nơi trên thế giới. Đối với khách du lịch có sở thích nghiên cứu, khám phá văn hóa và phong tục tập quán bản địa, thì du lịch văn hóa là cơ hội để thỏa mãn nhu cầu của họ. Phần lớn hoạt động du lịch văn hóa gắn liền với địa phương – nơi lưu giữ nhiều lễ hội văn hóa và cũng là nơi tồn tại đói nghèo. Khách du lịch ở các nước phát triển thường lựa chọn những lễ hội của các nước để tổ chức những chuyến du lịch nước ngoài. Bởi thế, thu hút khách du lịch tham gia du lịch văn hóa tức là tạo ra dòng chảy mới và cải thiện cuộc sống của người dân địa phương. Ở những nước kém phát triển hoặc đang phát triển, nền tảng phát triển phần lớn không dựa vào những đầu tư lớn để tạo ra những điểm du lịch đắt tiền, mà thường dựa vào nguồn du lịch tự nhiên và sự đa dạng trong bản sắc dân tộc. Những nguồn lợi này không tạo ra giá trị lớn cho ngành du lịch, nhưng lại đóng góp đáng kể cho sự phát triển của cộng đồng xã hội. Những quốc gia phát triển mạnh du lịch văn hóa là Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc, và một số nước thuộc khu vực Nam Mỹ.... “Du lịch văn hóa là xu hướng của nhiều nước. Loại hình du lịch này rất phù hợp với bối cảnh của Việt Nam, rất tốt cho hoạt động xóa đói giảm nghèo quốc gia, vì vậy phải được xem là hướng phát triển của ngành du lịch Việt Nam”, một quan chức của Vụ Hợp tác quốc tế thuộc Tổng Cục Du lịch phát biểu.

Ở Việt Nam, nhiều hoạt động du lịch văn hóa được tổ chức dựa trên những đặc điểm của vùng miền. Chương trình Lễ hội Đất Phương Nam (Lễ hội văn hóa dân gian vùng Đồng bằng Nam bộ), Du lịch Điện Biên (Lễ hội văn hóa Tây Bắc kết hợp với sự kiện chính trị: 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ), Con đường Di sản miền Trung (Lễ hội dân gian kết hợp tham quan những di sản văn hóa được UNESCO công nhận)... là những hoạt động của du lịch văn hóa, thu hút nhiều khách du lịch trong và ngoài nước. Trong số đó, Festival Huế được xem là hoạt động du lịch văn hóa đặc sắc ở Việt Nam. Lễ hội được

tổ chức thường xuyên 2 năm một lần, với sự hỗ trợ của Chính phủ Pháp. Festival Huế 2004 là lần thứ ba Việt Nam có dịp giới thiệu với du khách về lễ hội dân gian của miền Trung. Ngoài ra, lễ hội dân gian này còn có sự tham gia của các nước Pháp, Trung Quốc...

Hình 1: Một số hình ảnh minh họa về loại hình du lịch văn hóa



2.2 Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ

Các tác giả McIntosh, Goeldner và Ritchie đã sử dụng tiêu thức này để phân chia thành các loại hình du lịch sau:

- *Du lịch quốc tế (International Tourism)* liên quan đến các chuyến đi vượt ra khỏi phạm vi lãnh thổ (biên giới) quốc gia của khách du lịch. Chính vì vậy, du khách thường gặp phải 3 cản trở chính trong chuyến đi đó là: ngôn ngữ, tiền tệ và thủ tục đi lại. Cùng với dòng du khách, hình thức du lịch này tạo ra dòng chảy ngoại tệ giữa các quốc gia và do đó ảnh hưởng đến cán cân thanh toán của quốc gia. Loại hình du lịch này được phân chia thành 2 loại nhỏ: